wǎn huì

晚会

Noun · evening party

Example Sentences

tā chuān zhe huá lì de lǐ fú cān jiā wǎn huì
她 穿 着 华丽的礼服参加晚会。

She wore a gorgeous dress to the party

tā zài wǎn huì shàng biǎo yǎn le jīng cǎi mó shù
他在晚会 上 表演了精彩魔术。

He performed a wonderful magic trick at the party

jīn tiān wǎn huì yāo qǐng le xǔ duō chóng yào jiā bīn
今天晚会邀请了许多 重 要嘉宾。

Tonight's party invited many important guests.

Trace each character, then write the word on your own.

晚 晚 晚 晚 晚 晚 晚 晚 晚 晚 晚

晚 晚 晚

会 会 会 会 会 会 会 会 会